

**CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO****CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số : **66** /TASCO-KTHà Nội, ngày **25** tháng 04 năm 2022

V/v giải trình chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế TNDN Q1. 2022 so với Q1.2021.

**Kính gửi:**

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ báo cáo tài chính Quý 1 năm 2022, Công ty Cổ phần Tasco giải trình về biến động chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế TNDN so với cùng kỳ năm 2021 như sau:

**1. Báo cáo tài chính riêng**

Đơn vị tính: nghìn đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Quý này năm nay	Quý này năm trước	Chênh lệch Quý này năm nay so với Quý này năm trước	Tỷ lệ Tăng (+)/Giảm (-) (%)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	21.152.960	32.717.160	(11.564.200)	-35%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	2.621.272	6.906.916	(4.285.645)	-62%
Doanh thu tài chính	21	145.695.929	30.241.946	115.453.983	382%
Chi phí tài chính	22	-	385.402	(385.402)	-100%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	9.639.442	6.415.438	3.224.003	50%
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>	<b>138.677.759</b>	<b>30.348.022</b>	<b>108.329.737</b>	<b>357%</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>	<b>138.706.639</b>	<b>30.242.521</b>	<b>108.464.118</b>	<b>359%</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>	<b>115.424.935</b>	<b>27.845.208</b>	<b>87.579.727</b>	<b>315%</b>

Kết quả kinh doanh quý 1 của Công ty mẹ (công ty holding) có Doanh thu đạt 21 tỷ đồng, giảm 35% so với cùng kỳ năm 2021 chủ yếu do hoạt động kinh doanh Bất động sản chưa triển khai được các dự án mới để bán hàng, trong khi các dự án cũ đã hoàn thành bàn giao phần lớn cho khách hàng.

Tuy nhiên, Lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty mẹ tăng mạnh và đạt 115 tỷ, tăng 315% so với cùng kỳ năm trước do hoạt động thoái vốn khỏi các khoản đầu tư không trọng tâm theo chủ trương của Hội đồng quản trị.



## 2. Báo cáo tài chính hợp nhất

Đơn vị tính: nghìn đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Quý này năm nay	Quý này năm trước	Chênh lệch Quý này năm nay so với Quý này năm trước	Tỷ lệ Tăng (+)/Giảm (-) (%)
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	239.957.222	236.907.664	3.049.558	1%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	99.319.005	90.809.448	8.509.557	9%
Doanh thu tài chính	21	126.222.016	1.788.367	124.433.649	6958%
Chi phí tài chính	22	75.174.921	83.606.261	(8.431.339)	-10%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28.664.804	21.265.503	7.399.301	35%
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>	<b>114.086.030</b>	<b>(21.329.527)</b>	<b>135.415.557</b>	<b>635%</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>	<b>113.976.100</b>	<b>(21.596.514)</b>	<b>135.572.614</b>	<b>628%</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>	<b>88.217.674</b>	<b>(24.538.869)</b>	<b>112.756.543</b>	<b>460%</b>

Kết quả kinh doanh hợp nhất của Công ty có cải thiện tích cực trong Quý 1 năm 2022 so với cùng kỳ năm 2021 với LNST hợp nhất đạt 88 tỷ đồng, tăng 112 tỷ đồng so với năm trước từ lỗ hoạt động kinh doanh Quý 1/2021 sang có lãi Quý 1 năm 2022, chủ yếu do các nguyên nhân cụ thể như sau:

- Doanh thu và lợi nhuận gộp từ hoạt động thu phí đường bộ BOT và dịch vụ thu phí không dừng VETC đều có tăng trưởng so với cùng kỳ khi tình hình dịch bệnh Covid dần được kiểm soát và lưu lượng phương tiện giao thông qua các trạm thu phí được tăng trưởng trở lại.

- Ngoài ra, hoạt động thoái vốn, tinh gọn các khoản đầu tư không trọng tâm theo chủ trương của HĐQT cũng đem lại Doanh thu từ hoạt động tài chính đóng góp vào lợi nhuận chung của Công ty.

Trân trọng cảm ơn./.

### Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT;
- Lưu Kế toán;
- Lưu Tài Chính.

